

KẾT QUẢ VÒNG 1 KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2016 VÀO CỤC THUẾ SÓC TRĂNG

(Kèm theo Thông báo số 3108 /TB-HĐTD ngày 05/9/2017 của Chủ tịch HĐTD công chức Tổng cục Thuế năm 2016)

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
I. Chuyên viên và Kiểm tra viên thuế																			
1	Nguyễn Hoài	An	22	4	1991				Tân Hòa, Gia Hòa 2, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Tài Chính ngân hàng	HTNVQS	STR00021	10	57.50	32.50	55.00		STR00075
2	Trần Thị Thúy	An				12	11	1988	ấp Xoài Thum, xã Ngãi Xuyên, Trà Cú, Trà Vinh	Trường Đại học Trà Vinh	Quản trị Hành chính Văn phòng		STR00039		40.00	41.25	62.50		STR00160
3	Đặng Hoàng	Ấn	22	8	1995				Hòa Tú 1, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Luật Hành Chính		STR00043		70.00	56.25	75.00		STR00071
4	Thạch Thị Mỹ	Ấn				26	7	1990	Phước Giới, xã Phú Tân, Châu Thành, Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Kế toán	DTTS	STR00046	20	VT	VT	VT		STR00117
5	Đỗ Văn	Anh				19	10	1984	Sóc Trăng	Đại Học Nha Trang	Kinh Tế và Quản lý Thủy Sản		STR00058		27.50	41.25	55.00		STR00239
6	Lâm Bảo	Anh				11	4	1992	Sóc Trăng	Đại Học Tây Đô	Quản Trị Kinh doanh	DTTS	STR00069	20	VT	VT	VT		STR00066
7	Trần Xuân	Bách	12	12	1988				Xã Thanh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Trường Đại học Thương Mại	Kinh Tế Thương Mại		STR00171		82.50	71.25	70.00		STR00277
8	Bùi Thanh	Bằng	10	2	1989				ấp Số 1, Kế An, Kế Sách, Sóc Trăng	Đại Học Võ Trường Toản	Tài Chính Ngân Hàng		STR00173		47.50	37.50	57.50		STR00048
9	Lưu Trần Gia	Bảo	3	8	1994				Kế sách,Sóc trắng	Trường Đại học Ngân hàng Thành Phố Hồ Chí Minh	Tài Chính ngân hàng		STR00181		50.00	38.75	60.00		STR00079
10	Hồ Thị	Bích				8	9	1977	Ấp Mừng Khai, Xã Thiện Mỹ,H.Châu Thành , Sóc Trăng	Trường Đại học Bình Dương	Quản trị Kinh doanh		STR00194		VT	VT	VT		STR00096
11	Lâm Thị Ngọc	Bích				15	12	1990	Đại Thành, Đại Tâm, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh	Luật	DTTS	STR00195	20	42.50	43.75	55.00		STR00127
12	Trần Ngọc Ngân	Bình				11	8	1992	Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Tài Chính ngân hàng		STR00240		57.50	41.25	65.00		STR00002
13	Nguyễn Thị Ngọc	Châu				4	2	1993	TP Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Kế toán		STR00285		30.00	47.50	42.50		STR00132
14	Sơn Thị Thanh	Châu				12	11	1991	Thanh Tân, Thạnh Trị, Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Kinh Tế	DTTS	STR00288	20	42.50	37.50	62.50		STR00101
15	Lâm Thị	Chiết				12	10	1993	số 61 ấp Đại Nghĩa Thắng, xã Đại Tâm,Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Trường Đại học Trà Vinh	Kế toán	DTTS	STR00331	20	VT	VT	VT		STR00093
16	Tăng Minh	Chung	19	2	1991				Trung Bình, Trần Đề, Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Tài Chính Ngân Hàng		STR00349		VT	VT	VT		STR00106
17	Ngô Kim	Cơ				24	9	1985	TT Mỹ Xuyên, Huyện Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Đại Học Trà Vinh	Luật	DTTS	STR00354	20	50.00	31.25	42.50		STR00008
18	Lê Thị Kim	Cương				1	1	1987	Khóm 7, P1, TX Ngã Năm, Sóc Trăng	Trường Đại học Sài Gòn	Kế toán		STR00378		VT	VT	VT		STR00259
19	Trần Quốc	Cường	23	12	1993				Xã Tài Văn, Huyện Trần Đề, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Kế toán		STR00403		40.00	40.00	VT		STR00018
20	Trần Thị Cha Ra	Da				5	1	1994	Lai Hòa, Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Luật Hành Chính	DTTS	STR00406	20	35.00	46.25	67.50		STR00266
21	Võ Ngọc Phương	Đài				19	11	1990	Ngã Năm, Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Tài Chính Ngân Hàng		STR00409		77.50	65.00	85.00		STR00145
22	Ngô Trung	Đạt	4	7	1990				TT Trần Phú Lộc, H. Thạnh Trị , Sóc Trăng	Trường Đại học Tây Đô	Tài Chính Ngân Hàng		STR00454		VT	VT	VT		STR00113
23	Phan Thị Ngọc	Diệp				22	4	1993	Vĩnh Quới, Ngã Năm, Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Quản trị Kinh doanh		STR00520		57.50	46.25	55.00		STR00165
24	Đỗ Tấn	Định	7	10	1992				Tâm Lộc, Đại Tâm, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Tài Chính ngân hàng	DTTS	STR00545	20	VT	VT	VT		STR00272
25	Ngô Minh	Đồng	19	4	1987				ấp Thanh Lợi, TT Mỹ Xuyên, H. Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Trường Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh	Tài Chính Ngân Hàng		STR00555		47.50	36.25	37.50		STR00109
26	Mã Ngọc	Dung				12	11	1988	Sóc Trăng	Trường Đại học Cần Thơ	Kế toán Tổng hợp	DTTS	STR00588	20	60.00	35.00	52.50		STR00155
27	Nguyễn Thị Thùy	Dung				19	3	1993	Châu Thành, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Luật		STR00605		72.50	40.00	67.50		STR00029
28	Tạ Mỹ	Dung				12	1	1983	Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Tài Chính Tín Dụng	DTTS	STR00608	20	40.00	32.50	57.50		STR00020

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
29	Trương Ngọc	Dung				1	1	1993	ấp Hòa Bạch, xã Hòa Tú 2, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Trường Đại học Bạc Liêu	Kế toán		STR00617		65.00	55.00	75.00		STR00157
30	Nguyễn Bình	Dương	22	10	1992				ấp Vĩnh Xuyên, TT Mỹ Xuyên, H. Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Đại học Cửu Long	Tài Chính Ngân Hàng		STR00667		62.50	56.25	77.50		STR00188
31	Trần Thị Bích	Duyên				24	4	1993	Gia Hòa 1, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Trường Đại học Kinh Tế - Kỹ Thuật Công nghiệp	Tài Chính ngân hàng		STR00733		52.50	45.00	52.50		STR00024
32	Nguyễn Thị	Gám				17	8	1991	Xuân Hòa, Kế Sách, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Kế toán		STR00748		VT	VT	VT		STR00251
33	Lê Thị Hồng	Giang				20	11	1986	Ấp an Đức, TT Đại Ngãi, Long Phú, Sóc Trăng	Đại Học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh	Kế toán		STR00767		45.00	30.00	55.00		STR00028
34	Trần Trường	Giang	6	12	1989				An Thạnh 2, Cù Lao Dung, Sóc Trăng	Trường Đại học Cửu Long	Tài Chính Ngân Hàng		STR00798		50.00	32.50	65.00		STR00115
35	Trần Văn	Giới	1	1	1991				Ấp Thống Nhất , Xã Ninh Thạnh Lợi A, Hồng Dân, Bạc Liêu	Trường Đại học Bạc Liêu	Kế toán		STR00814		VT	VT	VT		STR00118
36	Kim Lý Trường	Hải				17	12	1988	Tài Văn, H.Mỹ Xuyên Sóc Trăng	Trường Đại học Tài Chính - Marketing	Quản Trị Kinh doanh	DTTS	STR00875	20	62.50	32.50	52.50		STR00233
37	Võ Ngọc	Hân				6	2	1991	ấp Mỹ Lộc 2, Mỹ Bình, TX Ngã Năm, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Tài Chính ngân hàng		STR00902		57.50	33.75	52.50		STR00073
38	Sơn Thúy	Hằng				13	4	1994	Thời An Hội, Kế Sách, Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Luật	DTTS	STR00954	20	37.50	33.75	65.00		STR00110
39	Đỗ Thị	Hiền				3	2	1988	Triệu Sơn, Thanh Hóa	Đại Học Cần Thơ	Kế toán		STR01032		42.50	32.50	67.50		STR00271
40	Đỗ Thị Thu	Hiền				15	10	1986	Vĩnh Châu, Sóc Trăng	ĐH Công nghệ TP.HCM	Kế toán		STR01034		40.00	42.50	42.50		STR00043
41	Nguyễn Thị	Hiền				8	2	1984	Trung Bình, Long Phú, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Kinh Tế Nông Nghiệp		STR01053		62.50	33.75	65.00		STR00062
42	Nguyễn Thị Thanh	Hiền				9	6	1980	Long Hưng, Mỹ Tú, Sóc Trăng	Đại Học Trà Vinh	Kế toán		STR01059		40.00	40.00	47.50		STR00253
43	Tôn Thị Mỹ	Hiền				6	3	1992	Mỹ Phước, Nhon Mỹ, Kế Sách, Sóc Trăng	Trường Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh	Tài Chính Ngân Hàng		STR01070		47.50	37.50	57.50		STR00123
44	Nguyễn Văn	Hiệp	19	12	1986				Ấp Phong Thời, xã Phong Năm, Kế Sách, Sóc Trăng	ĐH Công nghệ TP.HCM	Quản Trị Kinh doanh		STR01083		45.00	32.50	30.00		STR00040
45	Lê Như	Hiếu				5	1	1993	Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Đại Học Cửu Long	Tài Chính Ngân Hàng		STR01093		67.50	47.50	75.00		STR00012
46	Phan Minh	Hiếu	21	9	1992				Trà Cú, Trà Vinh	Đại Học Cần Thơ	Tài Chính ngân hàng		STR01116		62.50	36.25	62.50		STR00063
47	Ngô Chí	Hiếu	15	8	1991				Mỹ Quới, TX Ngã Năm, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Luật		STR01123		20.00	45.00	32.50		STR00243
48	Trần Văn	Hiếu	10	8	1989				Mỹ Tân, Mỹ Bình, TX Ngã Năm, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Kế toán		STR01124		VT	VT	VT		STR00236
49	Trần Huy	Hoàng	19	2	1990				Đại Ân 1, Cù Lao Dung, Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Kế toán Tổng hợp		STR01198		52.50	77.50	70.00		STR00162
50	Trần Thị	Hồng				1	9	1993	Khóm 2, P1, TX Ngã Năm, Sóc Trăng	Trường Đại học Cửu Long	Kế toán		STR01242		62.50	47.50	60.00		STR00149
51	Trần Thị Cẩm	Hồng				21	3	1987	ấp Phú Thuận, Xã Thạnh Phú, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Trường Đại học Trà Vinh	Kế toán		STR01244		VT	VT	VT		STR00178
52	Kiểm Hoàng	Hưng	11	1	1990				Xã Phú Tân, Châu Thành, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Kế toán- Kiểm toán	DTTS	STR01284	20	47.50	42.50	65.00		STR00226
53	La Ngọc	Hưng	3	6	1987				Sóc Trăng	Đại học Greenwich	Quản trị Kinh doanh		STR01285		45.00	MT	77.50		STR00184
54	Huỳnh Thị	Hương				24	10	1986	Sóc Trăng	Trường Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh	Kế toán		STR01312		47.50	40.00	72.50		STR00091
55	Lê Thị Mỹ	Hương				28	5	1990	ấp Cống Đồi, Hồ Đắc Kien, Châu Thành, Sóc Trăng	Đại học Tây Đô	Tài Chính Ngân Hàng		STR01314		67.50	47.50	60.00		STR00176
56	Ngô Mỹ	Hương				2	10	1988	Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Tài Chính Ngân Hàng	DTTS	STR01318	20	75.00	63.75	75.00		STR00116
57	Nguyễn Thiên	Hương				28	7	1991	Ấp Kinh giữa 2, xã Kế Thành, Kế Sách, Sóc Trăng	Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh	Luật		STR01341		47.50	61.25	65.00		STR00086
58	Dương Như	Huỳnh				13	2	1992	Lâm Kiết, Thạnh Trị, Sóc Trăng	Đại Học Trà Vinh	Luật		STR01453		45.00	32.50	50.00		STR00258
59	Lý Tấn	Huỳnh	5	7	1992				Ấp Nô Đùng, xã Tân Hiệp, Trà Cú, Trà Vinh	Đại Học Trà Vinh	Luật	DTTS	STR01454	20	VT	VT	VT		STR00080
60	Nguyễn Văn	Kha	1	1	1988				xã Thường Thới Hậu A,H.Hồng Ngự, Đồng Tháp	Trường Đại học Tây Đô	Tài Chính Ngân Hàng		STR01465		50.00	40.00	57.50		STR00097

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
61	Nguyễn Hoàng	Khanh	12	11	1989				Mỹ Thuận, Mỹ Tú, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Kế toán		STR01473		32.50	25.00	72.50		STR00249
62	Mai Mỹ	Khánh				3	9	1994	ấp 3, TT Phú Lộc, Thạnh Trị, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Kinh Tế		STR01486		70.00	63.75	72.50		STR00056
63	Nguyễn Hồng	Khéo				5	11	1986	An Thạnh II, Cù Lao Dung, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Kinh Tế học		STR01496		VT	VT	VT		STR00229
64	Mã Thị Khánh	Khuông				17	3	1980	Cần Thơ	Trường Đại học Bình Dương	Quản Trị Kinh doanh		STR01532		45.00	MT	52.50		STR00238
65	Nguyễn Bích	Khuyên				18	6	1975	05 Phan Bội Châu, K6, P3, TP Sóc Trăng	ĐH Công nghệ TP.HCM	Kế toán		STR01537		32.50	40.00	55.00		STR00033
66	Huỳnh Chí	Kiên	22	8	1984				TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	Trường Đại Học Cần Thơ	Luật	DTTS	STR01543	20	55.00	46.25	62.50		STR00280
67	Lâm Quang	Kiệt	19	12	1978				Thuận Hòa, CHâu Thành, Sóc Trăng	Đại Học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh	Kế toán		STR01553		70.00	36.25	50.00		STR00010
68	Châu Mỹ	Kiều				27	9	1991	Ấp Tâm Thọ, Xã Đại Tâm, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Kế toán	DTTS	STR01557	20	37.50	33.75	55.00		STR00142
69	Đặng Thị Thúy	Kiều				15	6	1980	Ấp Long Hòa, xã Long Điền B, Chợ Mới, An Giang	Đại Học Thủy Sản	Kế toán Doanh nghiệp		STR01558		65.00	42.50	60.00		STR00023
70	Trần Thúy	Kiều				16	1	1991	ấp Hòa Mỹ, TT Mỹ Xuyên, H. Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Luật		STR01569		VT	VT	VT		STR00107
71	Đặng Tuyết	Lan				23	12	1984	TT Mỹ Xuyên, Mỹ Xuyên, Sóc trắng	Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh	Kế toán		STR01605		37.50	26.25	45.00		STR00148
72	Lê Thị Yến	Lăng				21	1	1986	Ngọc Tổ, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh	Kế toán		STR01633		62.50	32.50	55.00		STR00153
73	Nguyễn Phước	Lành	14	5	1993				Kế Thành, Kế Sách, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Tài Chính Ngân Hàng		STR01637		87.50	66.25	82.50		STR00067
74	Trương Thị Kim	Lành				15	11	1989	ấp Mỹ Thành, Mỹ Quới, Ngã Năm, Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Luật		STR01639		50.00	35.00	47.50		STR00128
75	Nguyễn Thị Thanh	Liểu				20	5	1989	Từ Kỳ, Hải Dương	Đại học Cần Thơ	Kế toán		STR01688		70.00	57.50	62.50		STR00144
76	Huỳnh Chí	Linh	18	9	1992				xã Ba trính, Kế Sách, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Luật		STR01710		47.50	33.75	67.50		STR00050
77	Lê Khánh	Linh				27	4	1991	An Lạc Thôn, Kế Sách,Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Quản Trị Kinh doanh		STR01719		VT	VT	VT		STR00241
78	Lê Trúc	Linh				29	12	1990	Châu Hưng, Thạnh Trị, Sóc Trăng	Đại Học Tây Đô	Tài Chính ngân hàng		STR01724		57.50	42.50	60.00		STR00245
79	Nguyễn Thùy Khả	Linh				18	11	1995	Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Tài Chính ngân hàng		STR01765		50.00	90.00	67.50		STR00246
80	Võ Thị Trúc	Linh				10	3	1995	Mỹ Tú, Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Luật Tư Pháp		STR01818		82.50	38.75	67.50		STR00156
81	Võ Thị Trúc	Linh				27	1	1992	Sóc Trăng	ĐH Công nghệ TP.HCM	Tài Chính-Ngân Hàng		STR01817		65.00	56.25	70.00		STR00006
82	Dương Văn	Linh	1	1	1988				Gia Hòa 1, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Học Viện Báo Chí và Tuyên truyền	Quản lý kinh Tế	HTNVQS	STR01822	10	45.00	38.75	50.00		STR00078
83	Trần Thị Mỹ	Loan				28	5	1991	Đại Ân 2, Trần Đề, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Kế toán		STR01852		VT	VT	VT		STR00081
84	Vũ Thị	Loan				28	1	1991	Quỳnh Phú, Thái Bình	Đại học Võ Trường Toản	Tài Chính Ngân Hàng		STR01861		52.50	41.25	37.50		STR00161
85	Đặng Ngọc	Lộc	15	7	1992				TT Kế Sách, Kế Sách, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Luật		STR01862		45.00	37.50	37.50		STR00058
86	Trương Quốc	Lợi	26	1	1986				xã Lạc Hòa, TX Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Trường Đại học Trà Vinh	Kế toán		STR01879		70.00	28.75	75.00		STR00137
87	Lý Thái	Long	6	2	1989				Đại An, Trà Cú, Trà Vinh	Đại Học Cần Thơ	Kế toán		STR01890		70.00	36.25	67.50		STR00201
88	Dương Thị Thanh	Lý				2	2	1991	Hòa Lợi, Xuân Hòa, Kế Sách, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Kế toán		STR01941		57.50	43.75	65.00		STR00059
89	Chu Bá	Minh	11	6	1992				ấp Đồng hải, xã Đại Hải, Kế Sách, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Kế toán		STR01995		VT	VT	VT		STR00045
90	Huỳnh Thị Yến	Minh				15	12	1992	Nhơn Mỹ, Kế Sách, Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Kế toán		STR02002		62.50	33.75	62.50		STR00100
91	Thạch Hoàng	Minh	1	1	1991				ấp Xoài Thum, xã Ngãi Xuyên, Trà Cú, Trà Vinh	Đại học Cần Thơ	Luật	DTTS	STR02027	20	50.00	36.25	47.50		STR00164
92	Nguyễn Ngọc	Muôi	25	7	1983				Ấp Tân Điền A, xã Tạ An Khương, Đầm Dơi, Cà Mau	Trường Đại học Tài Chính - Marketing	Quản trị Kinh doanh	HTNVQS	STR02047	10	32.50	36.25	55.00		STR00174
93	Nguyễn Thị Diễm	My				2	4	1989	Ấp Lai Hòa, TX Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại Học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh	Tài Chính ngân hàng		STR02062		62.50	46.25	67.50		STR00227
94	Trương Thị Diễm	My				27	9	1990	Vĩnh Quới, Ngã Năm, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Luật		STR02069		50.00	36.25	45.00		STR00261

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
95	Trịnh Thùy	Mỵ				26	12	1989	ấp Tân Trung, tân Long, Thạnh Trị, Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Kế toán		STR02081		70.00	36.25	60.00		STR00183
96	Lê Thành	Nga	23	5	1988				Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Đại Học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh	Kế toán	HTNVQS	STR02120	10	37.50	38.75	52.50		STR00237
97	Phạm Thị Thúy	Nga				13	4	1991	An Mỹ, Kế Sách, Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Luật		STR02145		35.00	27.50	37.50		STR00179
98	Trần Thị	Ngà				30	12	1986	ấp 7, Ba Trinh, Kế Sách, Sóc Trăng	Đại Học Trà Vinh	Kế toán		STR02157		VT	VT	VT		STR00273
99	Huỳnh Kim	Ngân				6	12	1991	ấp 1, TT Phú Lộc, Thạnh Trị, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Quản Trị Kinh doanh		STR02167		77.50	56.25	77.50		STR00235
100	Huỳnh Thị Thu	Ngân				7	7	1982	Sóc Trăng	Trường Đại Học Hàng Hải Việt Nam	Quản lý kinh Tế		STR02172		75.00	55.00	80.00		STR00034
101	Lâm Kim	Ngân				19	3	1989	TP Sóc Trăng	Trường Đại học Tài Chính - Marketing	Tài Chính ngân hàng		STR02174		47.50	51.25	60.00		STR00222
102	Ngô Bích	Ngân				4	3	1987	TT Mỹ Xuyên, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Tài Chính Ngân Hàng		STR02185		VT	VT	VT		STR00181
103	Ngô Kim	Ngân				4	9	1993	Vĩnh Hiệp, Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Tài Chính ngân hàng		STR02186		VT	VT	VT		STR00260
104	Nguyễn Thị Thúy	Ngân						1981	Long Đức, Long Phú, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Luật		STR02205		42.50	30.00	40.00		STR00060
105	Phan Thị	Ngân				9	12	1985	ấp Hòa Đặng, xã Ngọc Đông, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Đại Học Trà Vinh	Kế toán		STR02217		35.00	32.50	32.50		STR00263
106	Võ Kim	Ngân				17	7	1984	xã Xuân Hòa, Kế Sách, Sóc Trăng	Đại Học Trà Vinh	Luật		STR02230		40.00	30.00	42.50		STR00013
107	Võ Văn	Ngân	1	1	1990				Ấp Tân Hòa C, Xã Long Hưng, Mỹ Tú, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Luật		STR02234		55.00	40.00	62.50		STR00232
108	Nguyễn Thúy	Ngoan				25	4	1988	Sóc Trăng	Đại Học Trà Vinh	Kế toán		STR02260		67.50	51.25	70.00		STR00250
109	Phạm Thị Thùy	Ngoan				15	12	1989	Duyên Hải, Trà Vinh	Đại Học Trà Vinh	Kế toán		STR02262		47.50	33.75	37.50		STR00217
110	Châu Kim	Ngọc				1	1	1993	Long Mỹ, Hậu Giang	Đại Học Tây Đô	Quản Trị Kinh doanh		STR02265		VT	VT	VT		STR00026
111	Huỳnh Thị Mỹ	Ngọc				24	3	1990	ấp Phước An, xã Phú Tân, Châu Thành, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Luật	DTTS	STR02280	20	70.00	42.50	65.00		STR00076
112	Lê Như	Ngọc				9	10	1985	Thanh Tùng, Đầm Dơi, Cà Mau	Đại học Cần Thơ	Luật		STR02286		55.00	38.75	47.50		STR00095
113	Phan Như	Ngọc				7	11	1992	Vĩnh Quới, Ngã Năm, Sóc Trăng	Đại học Võ Trường Toản	Tài Chính Ngân Hàng		STR02330		55.00	41.25	60.00		STR00087
114	Quách Thị Hồng	Ngọc				13	3	1982	TP Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Tài Chính Tín Dụng		STR02333		47.50	43.75	45.00		STR00037
115	Võ Thị Mỹ	Ngọc				21	9	1992	Châu Khánh, Long Phú, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Luật		STR02355		VT	VT	VT		STR00230
116	Võ Tú	Nguyên				6	9	1989	Thạnh Trị, Sóc Trăng	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Quản lý Kinh tế		STR02397		VT	VT	VT		STR00177
117	Nguyễn Thị Thanh	Nguyệt				29	8	1986	Phú Yên	Đại Học Duy Tân	Kế toán		STR02408		VT	VT	VT		STR00264
118	Thạch Thị	Nguyệt				8	12	1991	Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Luật	DTTS	STR02412	20	62.50	48.75	62.50		STR00077
119	Trần Thị Như	Nguyệt				29	3	1984	Minh Hải, Cà Mau	Trường Đại học Trà Vinh	Kế toán		STR02418		52.50	33.75	55.00		STR00150
120	Tạ Phú	Nhấn	21	4	1986				Long Hưng, Mỹ Tú, Sóc Trăng	Trường Đại học Mở TP Hồ Chí Minh	Kế toán	Con TB	STR02444	20	37.50	41.25	55.00		STR00265
121	Nguyễn Hồng	Nhấn				2	9	1987	Xã phú Hữu, H. Long Phú, Sóc Trăng	Đại Học Cửu Long	Quản Trị Kinh doanh		STR02447		60.00	35.00	55.00		STR00220
122	Nguyễn Thanh	Nhấn	1	1	1993				ấp Đắc Lực, Hồ Đắc Kiện, Châu Thành, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Luật		STR02448		37.50	36.25	47.50		STR00231
123	Phạm Ngọc	Nhanh				12	12	1993	ấp Thạnh Điền, TT Phú Lộc, Thạnh Trị, Sóc Trăng	Trường Đại học Trà Vinh	Luật		STR02452		70.00	37.50	52.50		STR00131
124	Đặng Huỳnh	Như				8	11	1991	An Mỹ, Kế Sách, Sóc Trăng	Đại học Tây Đô	Quản trị Kinh doanh		STR02512		VT	VT	VT		STR00124
125	Nguyễn Thị Hồng	Nhung				6	8	1987	ấp Vạn Thành, Xã Bình Nghi, Gò Công Đông, Tiền Giang	Đại Học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh	Kế toán		STR02578		65.00	36.25	52.50		STR00189
126	Quách Thị Hồng	Nhung				29	11	1990	Xã Mỹ Phước, Mỹ Tú, Sóc Trăng	Đại Học Cửu Long	Tài Chính ngân hàng		STR02597		VT	VT	VT		STR00027
127	Hứa Thị Kiều	Oanh				20	12	1988	Ấp An Thường, An Thạnh 1, Cù Lao Dung, Sóc Trăng	Trường Đại học Trà Vinh	Kế toán		STR02636		57.50	31.25	60.00		STR00108

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
128	Nguyễn Thị Hồng	Phát				10	8	1990	Ấp Tân Định, xã Tân Bình, Càng Long, Trà Vinh	Đại Học Cần Thơ	Kinh Tế Ngoại Thương		STR02674		67.50	55.00	77.50		STR00248
129	Hồ Ngọc	Phim				6	6	1982	Hồng Dân, Bạc Liêu	Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh	Kế toán	Con TB	STR02690	20	47.50	35.00	42.50		STR00171
130	Trịnh Lê Hoàng	Phúc	23	9	1995				TT Mỹ Xuyên, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Luật Tư Pháp		STR02744		95.00	77.50	80.00		STR00072
131	Dương Kim	Phụng				18	1	1993	Long Phú, Sóc Trăng	Đại Học Võ Trường Toản	Tài Chính ngân hàng		STR02748		VT	VT	VT		STR00211
132	Huỳnh Thị Trúc	Phượng				25	12	1995	Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Kiểm toán		STR02776		65.00	75.00	67.50		STR00242
133	Lê Vũ	Phượng	1	1	1977				Tân Trung, Long Bình, Ngã Năm, Sóc Trăng	Đại Học Bình Dương	Quản Trị Kinh doanh		STR02788		VT	VT	MT		STR00267
134	Liêu Thị Mỹ	Phượng				12	12	1990	An Phú, TT Kế Sách, Kế Sách, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Kế toán		STR02789		45.00	36.25	57.50		STR00213
135	Trần Thị Thu	Phượng				10	10	1989	Kim Thái, Vù Bân, Nam Định	Đại học Cần Thơ	Kế toán		STR02843		40.00	32.50	55.00		STR00133
136	Liêu Thị Bích	Phượng				7	10	1986	Ấp Khu 1, xã Thạnh Phú, Mỹ Xuyên, Sóc trắng	Đại Học Trà Vinh	Kế toán	DTTS	STR02867	20	37.50	36.25	42.50		STR00036
137	Lý Kim	Phượng				7	10	1986	An Phú Đông, Nhơn Mỹ, Kế Sách, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Tài Chính ngân hàng		STR02868		47.50	61.25	50.00		STR00244
138	Ngô Hồng	Quân	21	8	1991				Đà Nẵng	Trường Đại học Hùng Vương TP. Hồ Chí Minh	Tài Chính Ngân Hàng		STR02903		40.00	35.00	62.50		STR00099
139	Triệu Trần	Quân			1986				Thiện Mỹ, Châu Thành, Sóc Trăng	Đại Học Trà Vinh	Kế toán		STR02913		50.00	46.25	62.50		STR00255
140	Trần Đăng	Quang				23	6	1993	Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Kế toán	DTTS	STR02925	20	47.50	72.50	75.00		STR00216
141	Hồ Ngọc	Quý				24	3	1990	Kế Sách, Sóc Trăng	Đại học Tây Đô	Kế toán		STR02930		47.50	47.50	65.00		STR00094
142	Trần Đình	Quý	12	2	1988				Nhơn Mỹ, Kế Sách, Sóc Trăng	Đại Học Trà Vinh	Kế toán		STR02931		57.50	58.75	60.00		STR00225
143	Lê Thúy	Quyên				9	12	1994	Hưng Phú, Phước Long, Bạc Liêu	Đại Học Cần Thơ	Luật		STR02955		45.00	41.25	62.50		STR00210
144	Nguyễn Thị Thu	Quyên				15	4	1991	Trà Cú, Trà Vinh	Đại Học Cần Thơ	Kế toán		STR02966		VT	VT	VT		STR00208
145	Trần Ngọc	Quyên				23	9	1993	TT Long Phú, Long Phú, Sóc Trăng	Trường Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh	Quản trị Kinh doanh	DTTS	STR02976	20	VT	VT	VT		STR00084
146	Lâm Hữu	Quyên	28	2	1979				Thị Trấn Phú Lộc, H. Thạnh Trị, Sóc Trăng	Đại Học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh	Tài Chính ngân hàng	HTNVQS	STR02980	10	57.50	40.00	52.50		STR00042
147	Huỳnh Thanh	Sang	22	12	1990				ấp Châu Thành, TT Mỹ Xuyên, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Kế toán		STR03017		57.50	48.75	67.50		STR00197
148	Nguyễn Thị Thanh	Sang				25	1	1989	ấp Mỹ Hiệp, Long Bình, Ngã Năm, Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Luật		STR03020		40.00	38.75	52.50		STR00089
149	Diệp Thị Mỹ	Son				5	12	1989	Hòa Tú 2, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Kế toán Tổng hợp		STR03041		VT	VT	VT		STR00141
150	Lưu Thế	Sơn	11	3	1985				Thạch Thành, Thanh Hóa	ĐH Công nghệ TP.HCM	Kế toán		STR03050		57.50	27.50	42.50		STR00030
151	Trương Thị	Sương				13	7	1990	Gia Hòa 1, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Kế toán		STR03078		42.50	33.75	42.50		STR00212
152	Lưu Minh	Tâm	11	11	1989				Bạc Liêu	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Quản lý Kinh tế		STR03117		47.50	35.00	30.00		STR00159
153	Thái Văn	Tân	9	10	1994				Thanh Trị, Sóc trắng	Đại Học Bạc Liêu	Kế toán		STR03156		55.00	31.25	70.00		STR00069
154	Huỳnh Quốc	Thái	1	1	1991				Châu Khánh, Long Phú, Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Kế toán		STR03173		VT	VT	VT		STR00172
155	Thái Như	Thái	2	12	1989				ấp Phú Tây, An Mỹ, Kế Sách, Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Tài Chính Ngân Hàng		STR03182		VT	VT	VT		STR00180
156	Trần Quốc	Thái	29	4	1990				An Thạnh 1, Cù Lao Dung, Sóc Trăng	Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh	Kế toán		STR03183		60.00	25.00	42.50		STR00105
157	Nguyễn Văn	Thắng	1	1	1986				ấp Nhà Thờ, xã trung Bình, Trần Đề, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Kế toán		STR03210		VT	VT	VT		STR00195
158	Lữ Thị Mai	Thanh				6	5	1987	Phường Vĩnh Phước, TX Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Trường Đại học Trà Vinh	Kế toán	DTTS	STR03236	20	72.50	38.75	55.00		STR00135
159	Võ Yến	Thanh	19	5	1992				Áp Ba Tục A, Thanh Sơn, Trà Cú, Trà Vinh	Trường Đại học Trà Vinh	Luật		STR03273		VT	VT	VT		STR00223

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NV ư CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
160	Cao Thị Bích	Thảo				12	10	1993	Hóa Tiến - Minh Hóa - Quảng Bình	Trường Đại học Trà Vinh	Luật		STR03301		50.00	43.75	65.00		STR00122
161	Huỳnh Thị Bích	Thảo				17	3	1992	Ấp Hòa Thành, Xuân Hòa, Kế Sách, Sóc Trăng	Đại Học Tây Đô	Kế toán		STR03325		70.00	53.75	62.50		STR00031
162	Lê Thị	Thảo				21	8	1990	Yên Sơn,Đồ Lương, Nghệ An	Đại Học Cần Thơ	Kế toán	Con TB	STR03329	20	VT	VT	VT		STR00001
163	Ong Thạch	Thảo	12	10	1988				Kế Sách, Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Tài Chính Ngân Hàng	DTTS	STR03375	20	42.50	41.25	60.00		STR00136
164	Trần Thị Thạch	Thảo				8	4	1993	Kế An, Kế sách,Sóc trắng	Đại Học Trà Vinh	Tài Chính ngân hàng		STR03405		VT	VT	VT		STR00017
165	Trương Ngọc Hương	Thảo				2	12	1980	Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Tài Chính Tín Dụng		STR03407		57.50	MT	52.50		STR00198
166	Triệu	Thay	12	2	1988				Sóc Trăng	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Quản lý Kinh tế	DTTS	STR03414	20	50.00	26.25	27.50		STR00175
167	Dương Thị Kim	Thị				20	5	1992	Kế sách,Sóc trắng	Đại Học Cần Thơ	Kinh Tế		STR03421		35.00	45.00	72.50		STR00240
168	Lê Thảo Mai	Thị				12	6	1987	TP Sóc Trăng	Đại Học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh	Kế toán		STR03424		40.00	26.25	50.00		STR00214
169	Huỳnh Hàng Trung	Thiên	2	8	1989				Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Kế toán		STR03431		52.50	32.50	55.00		STR00019
170	Thái Minh	Thiên	10	10	1995				Mỹ Phước, Mỹ Tú , Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Tài Chính Ngân Hàng		STR03432		VT	VT	VT		STR00112
171	Đoàn Ngọc	Thịnh	22	3	1987				Sóc Trăng	Trường Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh	Tài Chính Ngân Hàng		STR03443		47.50	28.75	55.00		STR00173
172	Dương Quốc	Thịnh	25	5	1993				Kế Sách, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Luật		STR03444		42.50	31.25	40.00		STR00052
173	Nguyễn Trường	Thịnh	14	10	1992				ấp Hòa Trung, xã Hòa Tú 1, Mỹ Xuyên, Sóc trắng	Đại Học Tây Đô	Tài Chính ngân hàng		STR03447		65.00	45.00	75.00		STR00035
174	Ngô Thị	Tho				6	9	1987	Hòa Tú 2, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Đại Học Trà Vinh	Kế toán		STR03450		80.00	47.50	60.00		STR00275
175	Đặng Hồng	Thơ				22	12	1990	xã Long Điền Tây, H.Đông Hải,Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Luật Kinh tế		STR03452		77.50	56.25	67.50		STR00111
176	Nguyễn Thị Kim	Thoa				19	2	1989	Kế sách,Sóc trắng	Đại Học Cần Thơ	Kế toán		STR03474		40.00	36.25	35.00		STR00269
177	Trần Thị	Thoa				26	1	1985	xã Kim Thái, Huyện Vụ Bản, Nam Định	Trường Đại học Trà Vinh	Kế toán		STR03479		55.00	32.50	62.50		STR00134
178	Nguyễn Phi	Thoàng	25	12	1988				ấp Mỹ Hội, xã Thới An Hội, Kế Sách, Sóc Trăng	Trường Đại Học Cần Thơ	Luật		STR03483		47.50	33.75	67.50		STR00278
179	Châu Minh	Thư				2	2	1990	Thới Bình, Cà Mau	Đại Học Cần Thơ	Tài Chính ngân hàng		STR03532		45.00	38.75	62.50		STR00224
180	Lý Thị Minh	Thư				1	12	1991	Tân Hiệp, Kiên Giang	Đại Học Dân Lập Văn Lang	Kế toán		STR03548		55.00	42.50	55.00		STR00206
181	Nguyễn Lê Minh	Thư				21	10	1987	Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Tài Chính Ngân Hàng		STR03555		82.50	42.50	70.00		STR00143
182	Đỗ Văn	Thuần	1	1	1988				xã Hiệp Hưng, huyện Phụng Hiệp, Hậu Giang	Đại học Võ Trường Toản	Kế toán		STR03582		60.00	37.50	70.00		STR00114
183	Trần Đức	Thuận	13	8	1993				Thuận Hưng, Long Mỹ, Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Luật		STR03600		VT	VT	VT		STR00121
184	Lê Thị Diễm	Thúy				24	4	1989	TT Long Phú, Long Phú, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Kế toán		STR03652		45.00	25.00	60.00		STR00218
185	Lê Thị Thanh	Thúy				16	1	1989	Số 02 Hòa Long A, An Ninh, Châu Thành, Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Quản trị Kinh doanh		STR03655		60.00	53.75	65.00		STR00154
186	Nguyễn Thị	Thúy				27	4	1988	Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Quản Trị Kinh doanh		STR03658		50.00	42.50	52.50		STR00205
187	Phan Thị Phương	Thúy				8	2	1987	Ngọc Đông, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Đại Học Trà Vinh	Kế toán		STR03663		27.50	38.75	52.50		STR00270
188	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên				15	10	1992	Ấp Mỹ Lợi A, TT Huỳnh Hữu Nghĩa, Mỹ Tú, Sóc Trăng	Đại Học Tây Đô	Kế toán		STR03753		70.00	40.00	62.50		STR00044
189	Lý Minh	Tiến	28	4	1986				ấp Phước Phong, xã Phú Tân, Châu Thành, Sóc Trăng	Học Viện Báo Chí và Tuyên truyền	Quản lý kinh Tế	DTTS	STR03774	20	VT	VT	VT		STR00194
190	Nguyễn Vĩnh	Toàn	15	5	1988				Thị trấn Kế Sách, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng	Trường Đại Học Cần Thơ	Luật		STR03821		45.00	38.75	45.00		STR00279
191	Lê Thị Bích	Trâm				16	11	1990	ấp Hòa Trung, Hòa Tú 2, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Đại Học Trà Vinh	Kế toán		STR03844		VT	VT	VT		STR00262

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
192	Nguyễn Thị Thùy	Trâm				6	7	1988	Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Quản trị Kinh doanh		STR03859		VT	VT	VT		STR00182
193	Châu Bảo	Trần				17	2	1982	Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Tài Chính Tín Dụng		STR03875		45.00	46.25	50.00		STR00038
194	Đặng Bảo	Trần				25	8	1990	Sóc Trăng	Đại Học Võ Trường Toản	Tài Chính ngân hàng		STR03876		52.50	50.00	65.00		STR00025
195	Đỗ Thị Bích	Trần				4	10	1990	Ấp Kinh giữa 2, xã Kế Thành, Kế Sách, Sóc Trăng	Đại học Tây Đô	Quản trị Kinh doanh		STR03878		VT	VT	VT		STR00166
196	Nguyễn Thị Bảo	Trần				1	1	1992	Ấp an Hòa, Xã gia Hòa 2,Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Học Viện Báo Chí và Tuyên truyền	Quản lý kinh Tế		STR03885		55.00	38.75	42.50		STR00005
197	Đặng Thị	Trang				20	11	1987	xã Hòa Thạnh, Tam Bình, Vĩnh Long	Đại Học Trà Vinh	Kế toán		STR03911		57.50	36.25	65.00		STR00022
198	Huỳnh Thị Huyền	Trang				1	1	1987	ấp 12, Ba Trinh, Kế sách, Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Tài Chính Ngân Hàng		STR03929		72.50	40.00	55.00		STR00098
199	Nguyễn Ngô Minh	Trang				4	5	1994	Xã Vĩnh Quới, TX Ngã Năm, Sóc Trăng	ĐH Công nghệ TP.HCM	Tài Chính-Ngân Hàng		STR03963		77.50	50.00	55.00		STR00047
200	Nguyễn Thị Kiều	Trang				15	10	1992	phường 2, Thị xã Ngã Năm, Sóc Trăng	Đại học Tây Đô	Tài Chính Ngân Hàng		STR03981		VT	VT	VT		STR00140
201	Nguyễn Thị Thu	Trang				9	12	1990	Sóc Trăng	Đại Học Hùng Vương TP. Hồ Chí Minh	Kế toán		STR03991		60.00	71.25	75.00		STR00049
202	Trần Thị Thiên	Trang				10	1	1993	Châu Thành, Hậu Giang	Đại Học Cần Thơ	Tài Chính ngân hàng		STR04033		60.00	53.75	67.50		STR00274
203	Trương Thị Huyền	Trang				30	8	1990	Ấp Phương Hòa 2, Hưng Phú, Mỹ Tú, Sóc Trăng	Trường Đại học Trà Vinh	Kế toán		STR04039		52.50	30.00	57.50		STR00138
204	Trần Anh	Triều	24	7	1988				Trung Hưng IB, Vĩnh Hưng A, Vĩnh Lợi ,Bạc Liêu	Trường Đại học Bạc Liêu	Kế toán		STR04062		75.00	40.00	62.50		STR00092
205	Lưu Văn	Triều	1	1	1980				Khóm Vĩnh Bình, P3, TX Ngã năm, Sóc Trăng	Đại Học Trà Vinh	Kế toán		STR04064		57.50	28.75	60.00		STR00196
206	Nguyễn Minh	Triều	7	5	1992				xã Tuân Tức, Thạnh Trị, Sóc Trăng	Trường Đại học Trà Vinh	Luật		STR04066		VT	VT	VT		STR00146
207	Nguyễn Thị Thùy	Trình				1	2	1989	TP Sóc trắng	Đại Học Cần Thơ	Kế toán tổng hợp		STR04093		55.00	40.00	77.50		STR00039
208	Trần Thị Mỹ	Trình				13	1	1990	Sóc Trăng	Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh	Kế toán		STR04112		47.50	43.75	40.00		STR00090
209	Trần Thị Tú	Trình				12	6	1983	An Mỹ, Kế Sách,Sóc Trăng	ĐH Công nghệ TP.HCM	Kế toán		STR04114		47.50	32.50	67.50		STR00007
210	Đoàn Ngọc Thạch	Trúc				23	9	1988	TT Long Phú, Long Phú, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Kế toán tổng hợp		STR04129		52.50	37.50	55.00		STR00200
211	Phạm Thị Duy	Trúc				19	3	1990	Kế Sách, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Tài Chính ngân hàng		STR04150		37.50	31.25	70.00		STR00219
212	Nguyễn Chí	Trung	25	8	1989				Bình Định	Trường Đại học Quốc Tế Hồng Bàng TP. Hồ Chí Minh	Quản trị Kinh doanh		STR04166		67.50	58.75	62.50		STR00103
213	Trương Minh	Trung	2	3	1987				TP Sóc trắng	Đại Học Võ Trường Toản	Tài Chính ngân hàng	DTTS	STR04179	20	VT	VT	VT		STR00070
214	Nguyễn Thanh	Truyền	11	12	1985				Số 272 ấp Đào Viên, Thạnh Quới, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Đại Học Trà Vinh	Kế toán		STR04203		45.00	30.00	47.50		STR00065
215	Cao Mai Ngọc	Tú				10	9	1994	TP Sóc Trăng	Đại Học Tây Đô	Kế toán		STR04206		VT	VT	VT		STR00041
216	Nguyễn Thị Cẩm	Tú				10	12	1978	Tân Bình, Long Bình, TX Ngã Năm, Sóc Trăng	Trường Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh	Tài Chính Ngân Hàng		STR04227		47.50	31.25	35.00		STR00152
217	Trần Mỹ	Tú	25	3	1982				Thạch Gián, Quận 2, TP Đà Nẵng	Đại Học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh	Kế toán		STR04240		55.00	38.75	72.50		STR00252
218	Đặng Phước	Tuấn	15	5	1989				Định Hòa, Gia Hòa 1, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Đại Học Tây Đô	Tài Chính ngân hàng		STR04254		VT	VT	VT		STR00254
219	Nguyễn Tiến	Tùng	30	1	1990				Hải Phòng	Đại Học Dân Lập Văn Lang	Quản Trị Kinh doanh		STR04301		65.00	73.75	80.00		STR00061
220	Lê Văn	Tươi	10	10	1974				Vĩnh Biên, Ngã Năm, Sóc Trăng	Đại Học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh	Kế toán		STR04309		57.50	32.50	42.50		STR00203
221	Châu Ngọc	Tuyền				5	11	1994	TP Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Tài Chính ngân hàng	DTTS	STR04323	20	90.00	55.00	75.00		STR00191
222	Đỗ Thị Bích	Tuyền				28	12	1990	ấp Phú Hữu, xã Phú Hữu, Long Phú, Sóc Trăng	Đại Học Tây Đô	Quản Trị Kinh doanh		STR04325		62.50	47.50	70.00		STR00068

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
223	Lâm Thanh	Tuyền				16	6	1990	Chất Đốt, Châu Hưng A, Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	Trường Đại học Bạc Liêu	Kế toán		STR04329		37.50	32.50	60.00		STR00102
224	Lê Thị Bích	Tuyền				4	12	1990	Số 1, Kế An, Kế Sách, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Kế toán		STR04333		87.50	33.75	57.50		STR00053
225	Trần Phạm Ngọc	Tuyền				3	11	1995	TP Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Quản trị Kinh doanh	DTTS	STR04353	20	95.00	80.00	77.50		STR00088
226	Triệu Thị Bích	Tuyền				13	12	1995	ấp Mỏ Ố, xã Trung Bình, Trần Đề, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Kinh Tế Thủy Sản		STR04362		45.00	56.25	62.50		STR00276
227	Trần Văn	Ty	21	10	1989				Mỹ Tú, Sóc Trăng	ĐH Cần Thơ	Kế toán tổng hợp		STR04380		37.50	36.25	67.50		STR00004
228	Phạm Lý Thị Kim	Uyên				20	2	1986	ấp Tân Hiệp, xã Tân Thới, huyện Tân Phú Đông, Tiền Giang	Đại Học Bình Dương	Quản Trị Kinh doanh	Con TB	STR04401	20	42.50	53.75	57.50		STR00064
229	Quách Phạm Phương	Uyên				28	12	1993	Xã An Ninh, Châu Thành, Sóc Trăng	Đại học Tây Đô	Tài Chính Ngân Hàng	DTTS	STR04403	20	55.00	42.50	67.50		STR00147
230	Dương Thanh	Ven	19	1	1988				Đại Hải, Kế Sách, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Kế toán		STR04492		57.50	37.50	47.50		STR00011
231	Nguyễn Thị	Ven				25	6	1995	ấp Tam Hưng, Xã Vĩnh Hưng, Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Luật		STR04494		67.50	57.50	75.00		STR00104
232	Phan Thị Tường	Vĩ				8	1	1988	Thanh Trị, Sóc Trăng	Đại Học Trà Vinh	Kế toán		STR04509		50.00	31.25	35.00		STR00057
233	Châu Văn	Vị	30	6	1986				Mỹ Trinh, xã Hưng Phú, huyện Phước Long, Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Luật		STR04514		70.00	37.50	57.50		STR00163
234	Nguyễn Thụy Trường	Vy				9	9	1988	TP Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Quản trị Kinh doanh		STR04571		67.50	48.75	67.50		STR00125
235	Trần Thị Như	Ý				20	3	1991	Mỹ Phước, Mỹ Tú, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Tài Chính Ngân Hàng		STR04625		42.50	27.50	45.00		STR00055
236	Nguyễn Thị Kim	Yến				9	3	1993	Hòa Phú, Xuân Hòa, Kế Sách, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Quản Trị Kinh doanh		STR04647		52.50	33.75	35.00		STR00199
II. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin																			
1	Nguyễn Tuấn	Anh	2	12	1993				Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại Học Cần Thơ	Kỹ thuật máy tính		STR04670		35.00	25.00			STR00256
2	Huỳnh Đình Bảo	Chí	4	2	1979				Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Tin học		STR04678		VT	VT			STR00234
3	Trần Thiên	Chiết	10	5	1991				Long Phú, Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Hệ Thống Thông Tin	DTTS	STR04680	20	VT	VT			STR00085
4	Chung Quốc	Cường	22	9	1991				TP Sóc Trăng	Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật TP Hồ Chí Minh	Công Nghệ Thông Tin	DTTS	STR04685	20	55.00	38.75			STR00221
5	Lâm Hải	Đăng	1	1	1985				Vĩnh Lợi, Thạnh Trị, Sóc Trăng	Trường Đại học Sư phạm hà Nội	Công Nghệ Thông Tin		STR04689		55.00	41.25			STR00257
6	Bùi	Dương	17	11	1993				Hòa Tú 1, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Trường Đại học Khoa Học Tự Nhiên	Toán Tin học		STR04699		85.00	53.75			STR00228
7	Phạm Võ Trường	Duy	25	12	1988				Ấp Mỹ Lợi B,xã Mỹ Tú, Mỹ Tú, Sóc Trăng	Đại Học Tây Đô	Công Nghệ Thông Tin		STR04704		VT	VT			STR00190
8	Quách Việt	Duy	13	2	1986				ấp Phước Bình, Mỹ Thuận, Mỹ Tú, Sóc Trăng	Đại Học Bạc Liêu	Tin học		STR04705		60.00	40.00			STR00054
9	Lý Trường	Giang	27	1	1991				xã Phú Mỹ, Mỹ Tú, Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Kỹ thuật máy tính	DTTS	STR04707	20	65.00	43.75			STR00083
10	Châu Văn	Hiệp	19	2	1971				Vĩnh Hải, TX Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Tin học	DTTS	STR04714	20	VT	VT			STR00168
11	Huỳnh Minh	Hiếu	12	7	1992				Đại Hải, Kế Sách, Sóc Trăng	Trường Đại học Cửu Long	Công Nghệ Thông Tin		STR04716		67.50	35.00			STR00207
12	Trương Phạm Đăng	Khoa	8	2	1994				Kế Sách, Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Hệ Thống Thông Tin		STR04734		60.00	37.50			STR00120
13	Châu Dương	Lâm	24	11	1991				ấp Đào Viên, Viên Bình, Trần Đề, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Công Nghệ Thông Tin	DTTS	STR04736	20	65.00	46.25			STR00268
14	Lâm Ngọc	Mai				5	5	1991	Ấp Đại Úi, xã Phú Mỹ, Mỹ Tú, Sóc Trăng	Đại Học Trà Vinh	Công Nghệ Thông Tin	DTTS	STR04749	20	42.50	37.50			STR00015
15	Huỳnh Bá	Mẫn	20	3	1981				TT Long Phú, Long Phú, Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Hệ Thống Thông Tin		STR04751		77.50	53.75			STR00169
16	Nguyễn Thị Diễm	My				3	1	1991	Áp Hòa Tân, xã Hòa Tú, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật TP Hồ Chí Minh	Công Nghệ Thông Tin		STR04755		VT	VT			STR00009
17	Lâm Phước	Nguyên	5	5	1991				ấp Đại Úi, xã Phú Mỹ, Mỹ Tú, Sóc Trăng	Đại Học Trà Vinh	Công Nghệ Thông Tin	DTTS	STR04762	20	42.50	33.75			STR00014

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
18	Lâm Thái	Nguyên	28	5	1986				ấp Giồng Chùa, TT Trần Đề, Trần Đề, Sóc Trăng	Đại học Tây Đô	Công nghệ thông tin	DTTS	STR04763	20	VT	VT			STR00151
19	Trịnh Long	Nhị	15	8	1992				Thuận Hưng, Mỹ Tú, Sóc Trăng	Trường Đại học Trà Vinh	Công nghệ thông tin		STR04771		77.50	36.25			STR00129
20	Dương Thị Hồng	Thắm				26	8	1991	ấp 8, Xã Ba Trinh, Kế Sách, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Kỹ Thuật Phần Mềm		STR04806		72.50	43.75			STR00046
21	Đào Hoàng	Thống	11	9	1989				Xã Viên Bình, Trần Đề, Sóc Trăng	Đại Học Cửu Long	Công Nghệ Thông Tin		STR04820		VT	VT			STR00215
22	Trang Minh	Thừa	8	7	1987				ấp Đồng Tâm B, Tân Duyệt, Đầm Dơi, Cà Mau	Đại Học Tây Đô	Tin học		STR04822		80.00	40.00			STR00202
23	Nguyễn Gia	Thức	19	3	1986				Thạnh Quới, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật TP Hồ Chí Minh	Công Nghệ Thông Tin		STR04825		72.50	51.25			STR00192
24	Bùi Thành	Tính	14	4	1988				Vĩnh Quới, Ngã Năm, Sóc Trăng	Đại Học Kỹ Thuật Công nghệ TP. Hồ Chí Minh	Công Nghệ Thông Tin		STR04835		62.50	42.50			STR00082
25	Huỳnh Lê Doan	Trang				22	2	1990	Thạnh Trị, Sóc Trăng	Đại Học Tây Đô	Công Nghệ Thông Tin		STR04839		67.50	38.75			STR00204
26	Trần Nguyễn Duy	Tùng				3	11	1992	Ba Trinh, Kế Sách, Sóc Trăng	Đại Học Tây Đô	Công Nghệ Thông Tin		STR04860		62.50	45.00			STR00021
27	Phạm Thị Phụng	Uyên				11	7	1994	An Lạc, An Thạnh Tây, Cù lao Dung, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Khoa học máy tính		STR04866		67.50	40.00			STR00032
28	Lê Thị Bé	Yến				1	9	1990	Ấp Đào Viên, xã Viên Bình, Trần Đề, Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Hệ Thống Thông Tin		STR04876		70.00	47.50			STR00158
III. Chuyên viên làm Văn thư lưu trữ																			
IV. Cán sự làm Công nghệ thông tin																			
V. Cán sự và Kiểm tra viên trung cấp thuế																			
VI. Cán sự làm Văn thư lưu trữ																			
1	Võ Thị Thùy	An				21	4	1991	Mỹ Tân, Nhơn Mỹ, Kế Sách, Sóc Trăng	Trường Đại học Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn	Lưu trữ và Quản trị Văn phòng		STR05461		52.00	32.00	60.00		STR00126
2	Nguyễn Phạm Mộng	Cầm				16	10	1990	ấp Phú Tân, TT Phú Lộc, Thạnh Trị, Sóc Trăng	Trường Trung học Kinh tế Kỹ Thuật Bạc Liêu	Hành Chính Văn Thư		STR05463		80.00	24.00	68.00		STR00185
3	Châu Thị Thanh	Dung				20	7	1995	An Ninh, Châu Thành, Sóc Trăng	Trường Cao Đẳng Cần Thơ	Quản Trị Văn Phòng	DTTS	STR05465	20	56.00	38.00	48.00		STR00074
4	Nguyễn Hồng	Duy				2	9	1985	Vĩnh Quới, Ngã Năm, Sóc Trăng	Trường Trung học Kinh tế Kỹ Thuật Bạc Liêu	Hành Chính Văn Thư		STR05466		64.00	26.00	52.00		STR00167
5	Sơn Tuấn	Huy	24	7	1987				TX Sóc Trăng	Trường Trung cấp Văn Thư Lưu trữ Trung Ương	Văn thư Lưu trữ	DTTS	STR05476	20	64.00	40.00	76.00		STR00170
6	Nguyễn Thị Kim	Huyền				28	11	1985	Mỹ Bình, Ngã Năm, Sóc Trăng	Trường Trung học Văn Thư Lưu Trữ Trung Ương II	Văn Thư Lưu Trữ		STR05477		52.00	28.00	48.00		STR00247
7	Đàm Thị Á	Nang				15	10	1986	Ngã Năm, Sóc Trăng	Trường Chính Trị tỉnh Sóc Trăng	Trung cấp Hành Chính		STR05480		56.00	24.00	60.00		STR00186
8	Nguyễn Văn	Ngoan	15	11	1979				Ngã Năm, Sóc Trăng	Trường Trung học Kinh tế Kỹ Thuật Bạc Liêu	Hành Chính Văn Thư		STR05483		56.00	24.00	72.00		STR00209
9	Trương Thị Oánh	Ni				2	11	1992	Lai Hòa, Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Trường CĐ Nghề Sóc Trăng	Văn Thư Hành Chính	DTTS	STR05484	20	56.00	28.00	56.00		STR00016
10	Nguyễn Thị	Phiến				14	11	1996	ấp Phương Bình II, Hưng Phú, Mỹ Tú, Sóc Trăng	Trường Trung cấp Văn Thư Lưu Trữ Trung Ương	Văn Thư Lưu Trữ		STR05486		68.00	40.00	60.00		STR00051
11	Lê Thị Yến	Thơ				4	4	1985	xã An Ninh, Châu Thành, Sóc Trăng	Trường Chính Trị Sóc Trăng	Trung cấp Hành Chính		STR05489		64.00	20.00	44.00		STR00139
12	Nguyễn Anh	Thư				1	1	1995	Hồ Đắc Kiện,Châu Thành, Sóc Trăng	Trường CĐCĐ Sóc Trăng	Hành Chính Văn Thư		STR05491		32.00	42.00	52.00		STR00003
13	Tạ Thị Thủy	Tiên				1	1	1991	xã An Phú Tân, Cầu Kè, Trà Vinh	Đại Học Trà Vinh	Quản Trị Văn Phòng		STR05492		VT	VT	VT		STR00193